

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚC THỌ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 51/2024/HS -ST

Ngày: 10 - 6 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Tuân;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Quang Thao và ông Lê Xuân Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Nguyên Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST - HS ngày 27 tháng 5 năm 2024, đối với:

**1. Bị cáo Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1962 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Dương Thị C (đã chết); vợ là Phạm Thị L; có 03 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**2. Bị cáo Nguyễn Duy T**, sinh năm 1965 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ Nguyễn Thị D (đã chết) có 05 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Bị cáo **Nguyễn Duy H1**, sinh năm 1976 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy B (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); vợ Đỗ Thị N2, có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Bị cáo **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1982 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Kiều Thị Đ2; vợ Lê Thị T2, có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Bị cáo **Dương Văn Đ3**, sinh năm 1983 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A và bà Nguyễn Thị D1; vợ Hà Thị T3, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Bị cáo **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1983 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy T4 và bà Dương Thị T5; vợ Kiều Thị C1, có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Bị cáo **Nguyễn Văn N3**, sinh năm 1988 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ4 và bà Dương Thị T6; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. Bị cáo **Trần Văn T7**, sinh năm 1994 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H2 và bà Mai Thị T8; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**9. Bị cáo Nguyễn Duy C2**, sinh năm 1987 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy C3 và bà Hà Thị N4; vợ Phí Thị H3, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**10. Bị cáo Dương Văn T9**, sinh năm 1994 tại thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký thường trú và sinh sống: thôn P, xã L, P, thành phố Hà Nội. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M1 và bà Hoàng Thị N5; vợ Kiều Hương L1, có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, bị tạm giữ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024 được tại ngoại; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 ngày 29/01/2024, Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang một số đối tượng, gồm: Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Văn N3, Dương Văn T9, Nguyễn Duy C2, Nguyễn Duy K, Nguyễn Duy H1, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn Đ1 đang đánh bạc dưới hình thức “chơi L2” tại nhà ở của Nguyễn Ngọc N, thuộc thôn P, xã L, huyện P, thành phố Hà Nội. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng, tài sản liên quan thu giữ:

*Thu trên chiếu bạc:*

- 02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh, mỗi bộ gồm 52 lá bài.

- Số tiền 11.040.000 đồng (mười một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) thu rải rác trên chiếu bạc.

*Thu trên người các đối tượng:* 27.150.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), cụ thể:

T10 trên người Nguyễn Ngọc N 500.000 đồng; Nguyễn Văn N3 160.000 đồng; Dương Văn T9 860.000 đồng; Nguyễn Duy C2 1.540.000 đồng; Nguyễn Duy K 3.570.000 đồng; Nguyễn Duy H1 490.000 đồng; Nguyễn Duy T 210.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 1.820.000 đồng; Trần Văn T7 1.000.000 đồng và 17.000.000 đồng để trong ví.

Ngày 02/02/2024 Dương Văn Đ3 đến Công an huyện P đầu thú, khai nhận về hành vi đánh bạc của bản thân và tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng, là tiền dùng đánh bạc còn lại mang theo về.

Tổng số tiền Cơ quan Công an đã thu giữ là: 38.390.000 đồng (Ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kết quả điều tra xác định: Khoảng 20 giờ tối ngày 29/01/2024, lần lượt có Nguyễn Duy C2, Nguyễn Văn N3, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T đến nhà Nguyễn Ngọc N chơi và rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng ăn tiền. Nhâm lấy 02 bộ bài tú lơ khơ đặt xuống chiếu, rồi N, C2, N3, T7 và T cùng đánh bạc. Sau đó lần lượt có thêm Dương Văn Đ3, Dương Văn T9, Nguyễn Văn Đ1 và Nguyễn Duy K đến cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Duy H1 đến và ngồi vào thay chỗ của N đánh bạc, còn N nghỉ không chơi đánh bạc nữa. Đ3 nghỉ chơi bỏ về trước. Do bị thua bạc nên T và H1 đổi chỗ cho nhau. Lúc này, thứ tự mọi người ngồi theo vòng tròn, chiều từ trái sang phải, lần lượt là H1, K, C2, T9, N3, Đ1, T, T7. Đến 22 giờ 30 cùng ngày, khi các con bạc đang sát phạt thì bị Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang.

Về hình thức đánh bạc và cách thức tính tiền: Mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng. Mỗi người được chia 03 lá bài, chơi theo chiều từ trái sang phải, ngược chiều kim đồng hồ, sau đó so sánh với nhau, ai cao hơn thì sẽ thắng. Theo thứ tự từ cao xuống thấp là Sáp, Đồng hoa, L2, Ảnh rồi mới so điểm với nhau. Về tỉ lệ sát phạt thì quy định mỗi người góp gà mỗi ván là 20.000 đồng, mỗi lượt tố là từ 20.000 đồng đến 100.000 đồng, không quy định tối đa bao nhiêu lượt nhưng thực tế mỗi lần tố cao nhất cũng chỉ lên đến tổng tiền tố là khoảng 200.000 đồng đến 300.000 đồng. Nếu ai được S thì ngoài số tiền đã tố thì mọi người bỏ thêm 100.000 đồng, còn được Đồng hoa, Liêng QKA thì mọi người bỏ ra thêm 60.000 đồng cho người thắng. Người thắng lại bỏ ra riêng 100.000 đồng nếu được Sáp hoặc 60.000 đồng nếu được Đồng hoa, để cho N chủ nhà là tiền phé.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Nguyễn Ngọc N dùng đánh bạc khoảng 200.000 đồng, trong quá trình đánh bạc có cho Nguyễn Duy H1 vay 500.000 đồng, thu được 320.000 đồng tiền phé, đến khi bị bắt thì số tiền còn lại là 180.000 đồng; Nguyễn Văn N3 sử dụng khoảng 1.600.000 đồng để đánh bạc; Dương Văn T9 sử dụng khoảng 500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Duy C2 sử dụng khoảng 1.200.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Duy K sử dụng khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Duy H1 mang và sử dụng khoảng 1.500.000 đồng để đánh bạc, vay của Nguyễn Ngọc N thêm 500.000 đồng để đánh bạc tiếp; Nguyễn Duy T sử dụng khoảng 6.500.000 đồng để đánh bạc; Nguyễn Văn Đ1 sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc; Dương Văn Đ3 sử dụng khoảng 2.000.000 đồng để đánh bạc, đến lúc nghỉ không chơi nữa thì đang thua khoảng 1.800.000 đồng, còn lại 200.000 đồng đem về nhà; Trần Văn T7 mang theo khoảng 18.500.000 đồng, sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, còn lại để riêng trong ví 17.000.000 đồng không sử dụng để đánh bạc, đến khi

bị bắt thì đang thua khoảng 100.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng trên người, trên chiếu có khoảng 400.000 đồng.

Tổng số tiền phế mà Nguyễn Ngọc N đã được hưởng là 520.000 đồng, bao gồm của Nguyễn Duy C2 60.000 đồng, Nguyễn Duy K 200.000 đồng, Trần Văn T7 60.000 đồng, Nguyễn Duy T 100.000 đồng, Dương Văn Đ3 100.000 đồng. Do Nguyễn Ngọc N cùng đánh bạc với các con bạc khác nên N cũng không phải trả tiền sập, đồng hoa, liêng QKA cho người thắng, đến khi N không còn chơi đánh bạc nữa thì số tiền phế được trích ra là 320.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền các đối tượng đã và sẽ sử dụng đánh bạc, ngày 29/01/2024 là 21.390.000 đồng. Cụ thể gồm số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 11.040.000 đồng, số tiền thu giữ trên người các đối tượng đã có căn cứ chứng minh sử dụng để đánh bạc là 10.150.000 đồng. Số tiền đánh bạc mà Dương Văn Đ3 đã tự nguyện giao nộp là 200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKS ngày 06 tháng 5 năm 2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự và tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N3, Dương Văn T9, Nguyễn Duy C2, Nguyễn Duy K, Nguyễn Duy H1, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn Đ1, Dương Văn Đ3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Gá bạc” và từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự (Riêng bị cáo C2 và T9 không được áp dụng tình tiết khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Nguyễn Văn N3, Dương Văn T9, Nguyễn Duy C2, Nguyễn Duy K, Nguyễn Duy H1, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T, Nguyễn Văn Đ1, Dương Văn Đ3 mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đề xuất xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật

Sau khi nghe luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc N khai: Khoảng 20 giờ ngày 29/01/2024, tại nhà ở của bị cáo có Nguyễn Duy C2, Nguyễn Văn N3, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T đến nhà uống nước và rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi Liêng ăn tiền. Bị cáo lấy 02 bộ bài tú lơ khơ đặt xuống chiếu, rồi cùng C2, N3, T7 và T đánh bạc. Bị cáo có khoảng 200.000 để tham gia đánh bạc. Sau đó lần lượt có thêm Dương Văn Đ3, Dương Văn T9, Nguyễn Văn Đ1 và Nguyễn Duy K đến cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Duy H1 đến và ngồi vào thay chỗ của bị cáo đánh bạc, còn bị cáo nghỉ không chơi đánh bạc nữa. Đ3 nghỉ chơi bỏ về trước. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện P phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 21.390.000 đồng. Tổng số tiền phé mà bị cáo đã được hưởng là 520.000 đồng, bao gồm của Nguyễn Duy C2 60.000 đồng, Nguyễn Duy K 200.000 đồng, Trần Văn T7 60.000 đồng, Nguyễn Duy T 100.000 đồng, Dương Văn Đ3 100.000 đồng. Hành vi Nguyễn Ngọc N dùng nhà của mình, chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền hồ phé 520.000 đồng; số tiền các đối tượng dùng đánh bạc là 21.390.000 đồng, vì vậy N đã phạm vào tội “Gá bạc” được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Nhâm trực tiếp tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác nên đã phạm vào tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo về tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật

[3]. Tối ngày 29/01/2024 lần lượt các bị cáo Nguyễn Duy C2, Nguyễn Văn N3, Trần Văn T7, Nguyễn Duy T, Dương Văn Đ3, Dương Văn T9, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Duy K và Nguyễn Duy H1 đến nhà Nguyễn Ngọc N để đánh bạc bằng hình thức chơi Liêng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì

bị Công an huyện P bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc và trong người các bị cáo số tiền là 21.390.000 đồng. Căn cứ vào biên bản thu giữ số tiền trong người các bị cáo, cùng lời khai các bị cáo, xác định được khi đánh bạc Nguyễn Ngọc N có khoảng 200.000 đồng; Nguyễn Văn N3 có khoảng 1.600.000 đồng; Dương Văn T9 có khoảng 500.000 đồng; Nguyễn Duy C2 có khoảng 1.200.000 đồng; Nguyễn Duy K có khoảng 2.000.000 đồng; Nguyễn Duy H1 có khoảng 1.500.000 đồng để đánh bạc, vay của Nguyễn Ngọc N thêm 500.000 đồng để đánh bạc tiếp; Nguyễn Duy T có khoảng 6.500.000 đồng; Nguyễn Văn Đ1 có 2.500.000 đồng; Dương Văn Đ3 có khoảng 2.000.000 đồng; Trần Văn T7 có khoảng 1.500.000 đồng để đánh bạc. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố các bị cáo về tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, gây mất trật tự địa phương, vì vậy phải xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của từng bị cáo đã thực hiện, để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, đồng thời cũng là bài học để phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Nguyễn Ngọc N là chủ nhà, chuẩn bị bài tú lơ khơ, thu tiền phé và cùng các đối tượng khác đánh bạc tại nhà. Bị cáo có vai trò vừa gá bạc và vừa trực tiếp đánh bạc cùng với các bị cáo khác. Vì vậy xác định N đứng đầu vụ và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo phạm 02 tội nên cần áp dụng hình phạt nghiêm, cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét: bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; số tiền hưởng lợi 520.000 đồng không lớn, bị cáo đã từng tham gia quân ngũ bảo vệ Tổ quốc, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Đối với tội Đánh bạc: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, cá thể hóa trách nhiệm hình sự của từng bị cáo như sau:

Nguyễn Duy T sử dụng 6.500.000 đồng; Nguyễn Duy H1 sử dụng 1.500.000 đồng và vay của N thêm 500.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với số tiền mà các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Dương Văn Đ3, Nguyễn Duy Kỳ Nguyễn Văn N6, Trần Văn T7, Nguyễn Duy C2, Dương Văn T9 đều là những người trực tiếp tham gia đánh bạc, số lượng tiền mỗi bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc tuy có khác nhau, song các bị cáo đều ham mê sát phạt nhau được thua bằng tiền. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét

xử thấy các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điều 52 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, từ trước đến nay chấp hành tốt chính sách, pháp luật của nhà nước; riêng bị cáo T đã từng tham gia quân ngũ bảo vệ Tổ quốc, bị cáo Đ1, T7, K, N6, Đ3, H1 đều có thân nhân là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều Huy chương và Bằng khen, bị cáo Đ3 có thêm tình tiết đến cơ quan Công an đầu thú, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Xét các bị cáo đều có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo. Các bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự. Do các bị cáo là lao động tự do không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng, nên Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[6]. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập và điều kiện kinh tế ổn định để đảm bảo cho việc thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Các biện pháp tư pháp:

Tối ngày 29/01/2024 bà Phạm Thị L (vợ của N) có mặt ở nhà và đi ngủ, không biết bị cáo N và các bị cáo khác đánh bạc tại nhà ở của mình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng quy định.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng thu giữ trong ví của Trần Văn T7, quá trình điều tra đã chứng minh T7 không sử dụng để đánh bạc. Số tiền này là của bà Mai Thị T8 (là mẹ đẻ của Trần Văn T7) đưa cho T7 để chi phí đưa bà T8 đi khám, chữa bệnh và mua thuốc men, T7 đã để riêng, không dùng đánh bạc. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã trả lại cho T7 là có căn cứ.

Về xử lý vật chứng: Số tiền 21.390.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc và trong người các bị cáo, xác định đây là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc và tiền do phạm tội mà có, sẽ tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

02 (hai) bộ bài tú lơ khơ, một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh, mỗi bộ gồm 52 lá bài, sẽ tịch thu tiêu hủy

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo N là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N: **12** (mười hai) tháng tù về tội Gá bạc và **06** (sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của cả 2 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung **18** (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 30/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T: **15** (mười lăm) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **14** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy H1: **12** (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **11** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ3: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy K: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N6: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T7: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08** tháng **21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C2: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08 tháng 21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Văn T9: **09** (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, (bị cáo được trừ 03 ngày bị tạm giữ  $\times 3 = 09$  ngày) còn phải chấp hành **08 tháng 21** ngày. Thời gian Cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện P, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Văn Đ1, Dương Văn Đ3, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn N6, Trần Văn T7, Nguyễn Duy C2, Dương Văn T9 cho UBND xã L, huyện P, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian Cải tạo không giam giữ. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

**4. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bộ bài tứ lơ khơ, một bộ màu đỏ, một bộ màu xanh, mỗi bộ gồm 52 lá bài. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/5/2024 giữa Công an huyện P với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội).

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 21.390.000 đồng. (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội lập ngày 15/5/2024).

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Miễn án phí hình sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Ngọc Nhân

Nguyễn Duy T, Nguyễn Duy H1, Nguyễn Văn Đ1, Dương Văn Đ3, Nguyễn Duy K, Nguyễn Văn N6, Trần Văn T7, Nguyễn Duy C2, Dương Văn T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sơ thẩm.

**6. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ TP Hà Nội;
- Các bị cáo;
- UBND xã Long Xuyên, huyện Phúc Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Xuân Tuân**

